

Số: 932/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 17 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 767/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Phạm Thị Diễm T** – sinh năm 1986;

2. Ông **Lê Văn A** - sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Đường M, Phường Y, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Diễm T và ông Lê Văn A cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T và ông A có địa chỉ cư trú ở quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 235 ngày 07/12/2006 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cấp thì bà Phạm Thị Diễm T và ông Lê Văn A là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà T và ông A thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai khai có 02 con chung là Lê Như Y – sinh ngày 27/8/2010 và Lê Khôi V – sinh ngày 07/4/2012. Ly hôn, cả hai thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Phạm Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[5] Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 đồng do bà T và ông A chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Diễm T và ông Lê Văn A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Như Y – sinh ngày 27/8/2010 và Lê Khôi V – sinh ngày 07/4/2012 cho bà Phạm Thị Diễm T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Lê Văn A do bà T không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà T cùng gia đình không được cản trở ông A trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

- Về nợ chung: Cả hai khai không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Diễm T và ông Lê Văn A chịu lệ phí là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng mà bà T và ông A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0032029 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 235 ngày 07/12/2006);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Hiếu